

Tuần 12, 04/03/2026

Thận trọng và chờ đợi

Tiêu điểm:

- Ông Trump trấn an dân Mỹ, nói sắp kết thúc cuộc chiến Iran, còn đánh mạnh 2-3 tuần nữa
- Tăng trưởng GDP quý I/2026 dự kiến đạt 8% - 8.3%
- PMI tháng 3/2026: Chi phí đầu vào tăng mạnh khiến giá cả đầu ra tăng với tốc độ nhanh nhất kể từ tháng 4/2011
- Bộ Ngoại giao: Iran đang triển khai các thủ tục cho tàu Việt Nam qua eo biển Hormuz

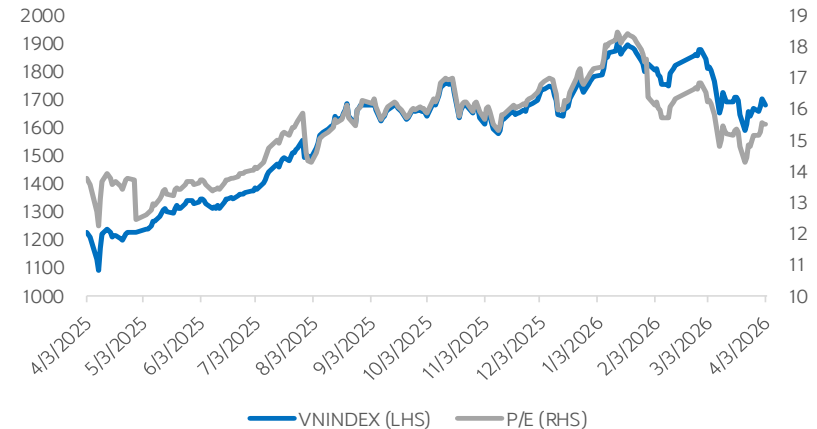
Đánh giá: Thị trường có tuần giao dịch trong biên độ hẹp sau tuần phục hồi cho thấy sự thận trọng của nhà đầu tư. Đặc biệt khi các phát biểu của ông Trump về chiến sự vẫn chưa rõ ràng. Theo khảo sát PMI tháng 3, gần một nửa số người trả lời khảo sát ghi nhận tăng chi phí đầu vào trong tháng 3, với tốc độ tăng là mạnh nhất kể từ tháng 4/2022, chi phí này sẽ được chuyển sang vai khách hàng. Ngoài ra, tốc độ lạm phát trong tháng 3 là mạnh nhất trong gần 15 năm; chúng tôi kì vọng ngân hàng sẽ tiếp tục tăng lãi suất. Bên cạnh đó, mua đại hội cổ đông đang diễn ra và FTSE công bố kết quả rà soát vào ngày 07/04 tuần sau có thể là chất xúc tác hỗ trợ thị trường.

Góc nhìn kĩ thuật: VN-Index đóng cửa tuần tại 1,684.04 điểm (+11 điểm; +0.567%) trên đồ thị tuần với thanh khoản ổn định. Kì vọng xu hướng chính tiếp tục đi ngang. Kháng cự tham chiếu là vùng 1,750 và hỗ trợ tại 1,600 điểm. Tâm lý thị trường nhìn chung là chờ đợi và thận trọng.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư có thể giải ngân tỉ trọng thấp trong bối cảnh rủi ro vẫn còn. Gia tăng tỉ trọng nếu thị trường xác nhận vượt 1,750 cùng các tin tức thuận lợi. Có thể ưu tiên nhóm hưởng lợi từ yếu tố nội địa như: đầu tư công, ngân hàng và vật liệu xây dựng. Ngoài ra, cần ưu tiên nhóm có cơ cấu vay nợ thấp trong bối cảnh lãi suất được kì vọng tăng cao

Tên chỉ số	Giá đóng cửa 1W	% Thay đổi				Xu hướng	Định giá		Vốn hóa (Tỷ USD)
		1M	3M	YTD	P/E		P/B		
VN-Index	1,684	0.7	-7.1	-5.6	-5.6		15.5	2.0	302
Upcom Index	127	1.8	-2.0	4.6	4.6		10.6	1.6	25
HNX Index	252	-1.5	-4.4	0.0	0.0		13.6	1.4	15
VN30 Index	1,837	0.9	-6.2	-9.5	-9.5		14.3	2.2	208
S&P 500 Index	6,583	3.4	-2.3	-5.2	-3.8		25.8	5.1	58,712
STOXX Europe 600 Index	581	3.7	-0.3	-1.4	0.7		17.1	2.3	17,703
Hang Seng	25,117	0.7	-2.5	-3.9	-2.0		13.1	1.3	3,791
Nikkei 225	53,123	-0.5	-5.6	5.5	5.5		20.4	2.5	5,756
SHCOMP Index	3,914	-0.9	-5.9	-2.2	-2.2		1.5	1.5	9,065
STI Index	4,948	1.0	2.0	4.4	6.5		17.0	1.6	577
KOSPI Index	5,377	-1.1	-7.2	24.8	27.6		19.7	1.6	2,768

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Nam Hoàng, CFA

(84-28) 5808 7603

nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất



Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

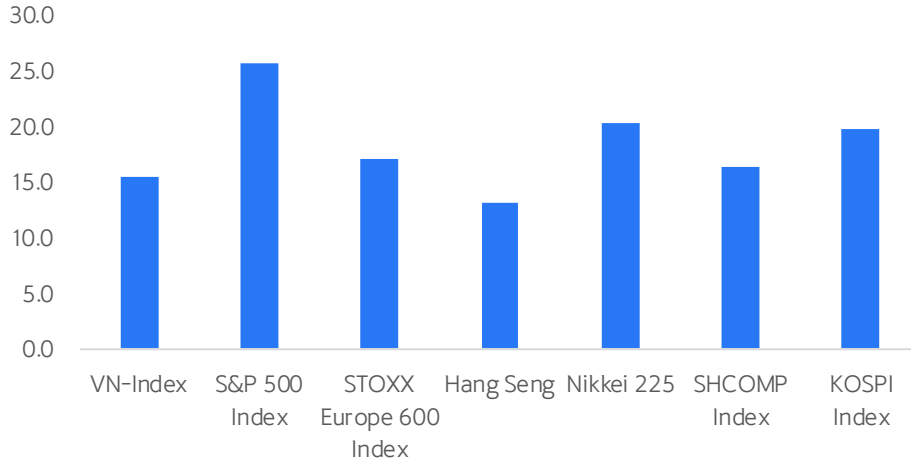


Giá trị vốn hóa	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD				Định giá			Vốn hóa (Tỷ VND)	
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E		P/B
Large Cap	0.5	1.8	-5.4	-5.1	-4.2	-23.5	-28.2	-28.2	89.6	0.1	14.3	2.2	7,276,383
Mid Cap	-0.7	1.8	1.2	1.2	-6.1	-30.2	-30.9	-30.9	10.0	-0.2	11.2	1.2	548,516
Small Cap	-1.8	0.1	-5.2	-5.2	2.8	-9.5	-22.7	-22.7	0.5	0.0	10.9	0.7	65,754

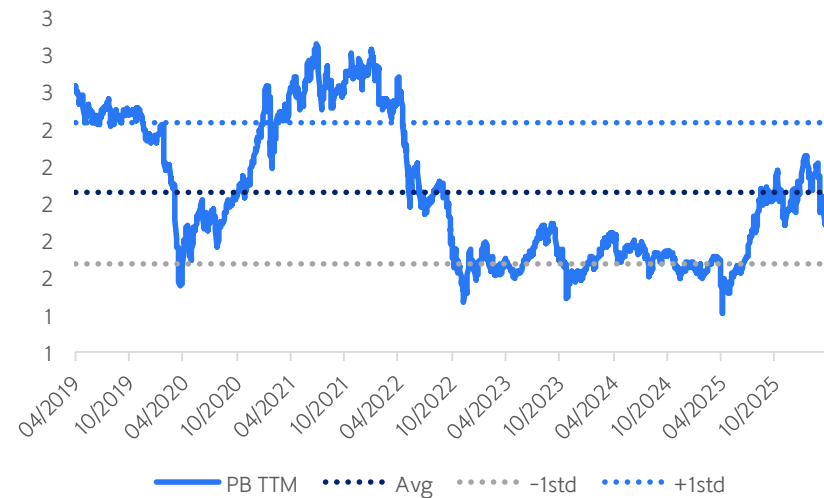
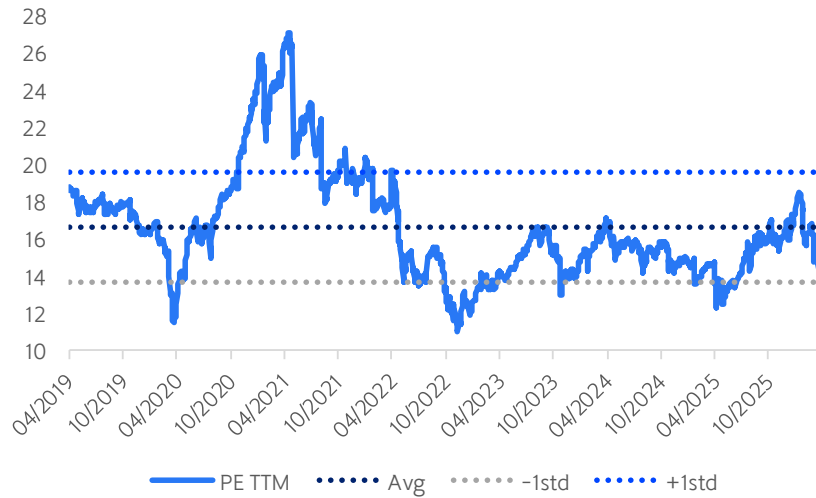
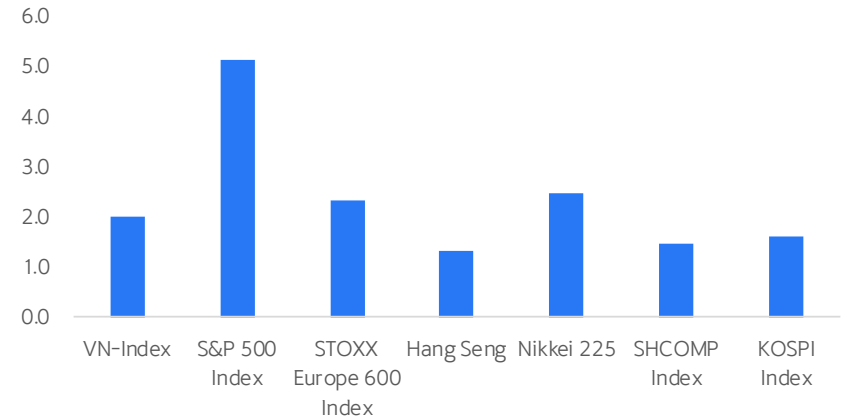
Theo ngành	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD				Định giá			Vốn hóa (Tỷ VND)	
	Tên ngành	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change		P/E
Bất động sản	7.0	6.6	-15.1	-15.1	-2.2	-3.1	-17.4	-17.4	16.4	0.2	25.0	2.8	1,983,902
Bảo hiểm	1.1	17.5	38.4	38.4	-21.0	0.4	-29.3	-29.3	0.4	-0.1	17.7	2.2	76,925
Du lịch và Giải trí	0.3	7.5	-15.4	-10.8	5.4	-8.6	-22.1	-22.1	1.5	0.1	25.0	4.7	318,973
Dược và Y tế	0.2	1.9	2.3	2.3	38.8	22.4	17.3	17.3	0.2	0.1	19.2	2.2	41,138
Tài nguyên cơ bản	0.1	4.6	1.5	1.5	5.8	-23.1	-28.0	-28.0	5.6	0.5	13.7	1.4	245,021
Tài chính	-0.5	1.8	5.9	5.9	-3.7	-29.1	-24.5	-24.5	14.5	0.0	18.2	2.0	519,945
Hóa chất	-0.9	-8.2	17.4	17.4	-28.5	-46.3	-31.8	-31.8	4.8	-0.7	15.5	1.8	224,572
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.0	1.3	4.6	4.6	-18.6	-28.2	-44.4	-44.4	0.9	-0.2	11.0	1.7	62,025
Thực phẩm và đồ uống	-1.4	5.2	-9.5	-9.5	-3.0	-30.7	-42.5	-42.5	5.5	0.0	17.0	3.1	606,541
Ngân hàng	-1.4	2.9	-2.2	-2.2	4.6	-17.9	-32.3	-32.3	25.3	2.0	9.1	1.5	2,508,153
Xây dựng và vật liệu	-2.0	5.2	-1.4	-1.4	0.3	2.6	10.6	10.6	6.7	0.3	10.9	1.4	141,921
Công nghệ Thông tin	-2.5	-2.1	-21.1	-21.1	-33.0	-48.2	-55.0	-55.0	2.8	-1.2	13.5	2.9	140,646
Tiện ích	-2.6	-15.6	3.2	3.2	-16.9	-50.2	-48.7	-48.7	2.1	-0.3	13.4	2.0	336,265
Bán lẻ	-3.7	9.6	3.9	3.9	-16.3	-31.3	-42.3	-42.3	1.0	-0.2	30.8	3.5	46,141
Dầu khí	-4.8	-26.9	40.4	40.4	-13.9	-48.7	-44.2	-44.2	4.2	-0.5	6.9	2.3	201,698
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-5.2	2.0	-8.3	-8.3	8.2	-16.4	-9.1	-9.1	7.4	0.8	16.4	2.1	242,482
Ô tô & Phụ tùng	-14.3	-6.9	-8.4	-8.4	11.3	38.6	62.3	62.3	0.6	0.1	3.6	0.9	15,857
Truyền thông	-80.2	-81.1	-82.0	-82.0	-17.3	-16.9	-32.3	-32.3	0.1	0.0	4.5	0.2	484

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

P/E



P/B



WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư



Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	31,524	24,292	120,517
Ấn độ	-2,096	-14,218	-15,791	-15,791
Indonesia	-174	-58	-58	-2,005
Nhật Bản*	-27,747	-52,163	-11,692	-11,692
Mayaysia	25	61	61	352
Hàn Quốc	-3,795	125	-282	-36,889
Sri Lanka	-1	0	0	-64
Đài Loan	-5,072	-536	-536	-19,448
Thái Lan	36	186	186	826
Việt Nam	15	79	79	-1,029

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	2,440	-11.6	-87.3	-84.4	-650.2
Nước ngoài	1,694	-11.5	-91.6	-73.7	-523.6
VanEck Vectors Vietnam ETF	526	-9.4	-75.0	-38.9	-75.7
Fubon FTSE Vietnam ETF	405	-1.4	-14.2	-41.8	-397.6
iShares MSCI Frontier and Select EM	188	0.0	0.0	0.0	-1.4
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	350	-0.8	-2.4	9.2	-27.6
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	207	0.0	0.0	-2.2	-12.2
Premia MSCI Vietnam ETF	6	0.0	0.0	0.0	-9.1
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2	0.0	0.0	0.0	0.0
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	745	-0.1	4.3	-10.6	-126.6
DCVFMVN Diamond ETF	458	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	224	0.0	4.1	-9.2	-114.1
SSIAM VNFIN LEAD ETF	20	0.0	0.2	1.0	-2.2
MAFN VN30 ETF	29	-0.1	-0.4	-2.8	-9.2
SSIAM VNX50 ETF	5	0.0	0.0	-0.1	-1.0
VinaCapital VN100 ETF	0	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	8	0.0	0.3	0.4	-0.1

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:

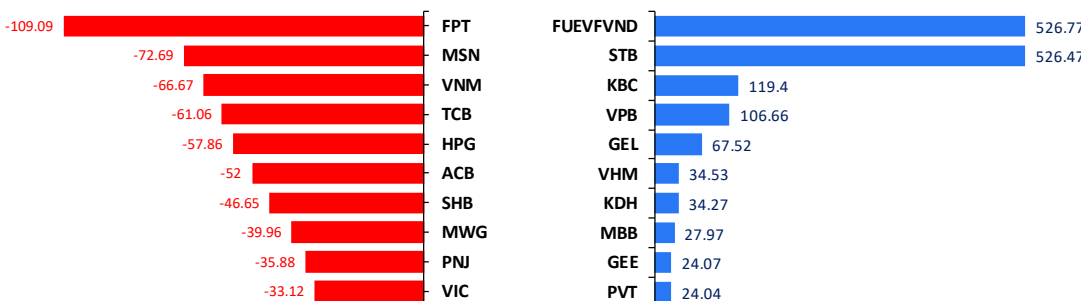
WTD: từ đầu tuần

MTD: từ đầu tháng

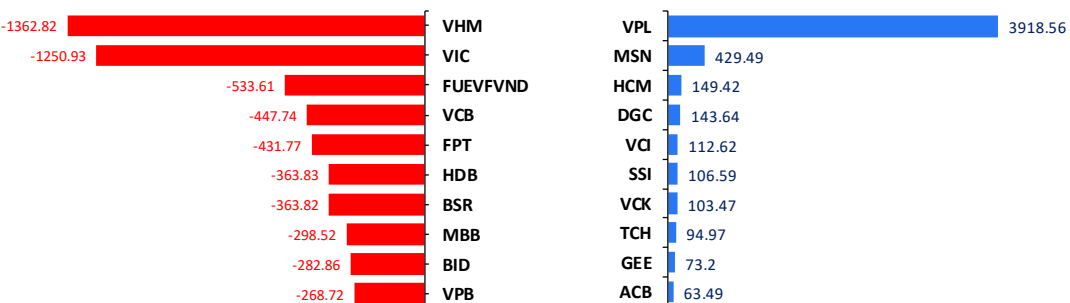
QTD: từ đầu quý

YTD: từ đầu năm

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



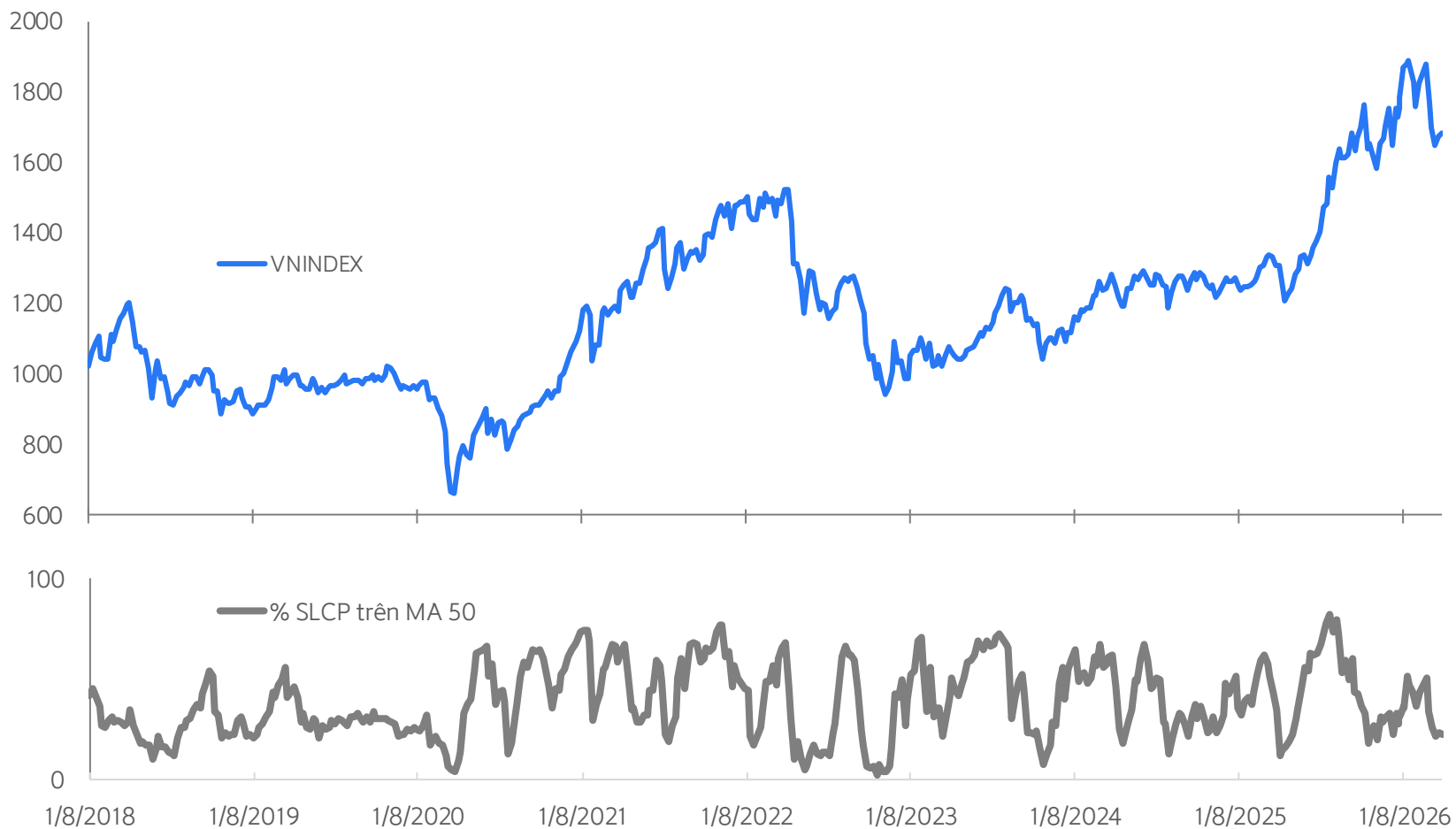
Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	146	-2,226	642	1,585
Tài nguyên Cơ bản	-58	199	100	-299
Truyền thông	0	0	0	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-4	-41	82	-41
Y tế	0	-5	-1	5
Hóa chất	13	-18	27	-10
Dịch vụ tài chính	498	-194	71	123
Du lịch và Giải trí	-9	8	431	-439
Ngân hàng	396	-1,370	651	718
Xây dựng và Vật liệu	2	-90	268	-178
Thực phẩm và đồ uống	-133	221	87	-307
Bán lẻ	-23	236	-192	-44
Điện, nước & xăng dầu khí	26	-105	-56	161
Hàng cá nhân & Gia dụng	-36	-60	59	1
Công nghệ Thông tin	-109	-306	367	-61
Ô tô và phụ tùng	17	111	-56	-55
Bảo hiểm	1	-7	12	-4
Dầu khí	3	-485	338	147
Tổng	733	-4,131	2,826	1,305

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Ngân hàng				Bất động sản				Bảo hiểm và dịch vụ tài chính				Tài nguyên Cơ bản và xây dựng vật liệu				Hàng & Dịch vụ Công nghiệp và Hàng cá nhân & gia dụng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
SHB	49	Neutral	Neutral	DXG	51	Strong	Neutral	BVH	60	Neutral	Weak	HPG	48	Neutral	Neutral	GEX	48	Neutral	Neutral
MBB	46	Neutral	Weak	NVL	61	Too hot	Strong	BMI	50	Neutral	Weak	NKG	42	Neutral	Weak	VSC	48	Neutral	Neutral
HDB	48	Neutral	Weak	DIG	50	Strong	Weak	BIC	54	Too hot	Strong	HSG	49	Neutral	Weak	PVT	41	Weak	Weak
VPB	45	Neutral	Weak	VRE	49	Neutral	Weak	VIX	44	Neutral	Weak	SMC	63	Too hot	Neutral	GMD	41	Weak	Weak
MSB	50	Neutral	Neutral	PDR	49	Neutral	Weak	SSI	42	Neutral	Weak	CII	53	Strong	Strong	HAH	44	Neutral	Weak
TCB	39	Neutral	Weak	VIC	50	Neutral	Weak	VND	42	Neutral	Weak	HHV	46	Neutral	Neutral	GEE	59	Too hot	Strong
EIB	47	Neutral	Neutral	KDH	44	Neutral	Weak	VCI	48	Neutral	Neutral	VCG	50	Neutral	Strong	VOS	39	Weak	Weak
ACB	49	Neutral	Neutral	VHM	70	Too hot	Strong	HCM	63	Too hot	Strong	PCI	48	Neutral	Neutral	APH	38	Neutral	Weak
TPB	45	Neutral	Weak	TCH	56	Strong	Strong	TCX	42	Weak	Weak	FCN	52	Strong	Neutral	VTP	43	Neutral	Weak
STB	44	Weak	Weak	KBC	52	Strong	Weak	ORS	49	Neutral	Neutral	VGC	46	Neutral	Weak	SBG	31	Neutral	Weak
CTG	43	Neutral	Weak	HDG	52	Neutral	Strong	VDS	41	Neutral	Weak	DPG	47	Neutral	Weak	REE	47	Neutral	Neutral
VIB	46	Neutral	Neutral	HDC	48	Strong	Weak	FTS	49	Strong	Weak	CTD	45	Neutral	Neutral	PAC	49	Neutral	Strong
SSB	47	Neutral	Neutral	NLG	49	Neutral	Neutral	CTS	45	Neutral	Weak	CTR	48	Neutral	Weak	TV2	48	Neutral	Neutral
VCB	39	Neutral	Weak	DXS	63	Too hot	Strong	BSI	50	Neutral	Weak	HT1	42	Weak	Weak	TCM	32	Neutral	Weak
NAB	45	Neutral	Weak	NTL	46	Neutral	Weak	TCI	61	Strong	Strong	CTI	44	Neutral	Weak	TLG	41	Neutral	Weak
OCB	45	Neutral	Weak	SIP	53	Neutral	Neutral	TVB	50	Neutral	Weak	BMP	35	Weak	Weak	PNJ	44	Neutral	Weak
BID	38	Neutral	Weak	SZC	39	Neutral	Weak	DSE	44	Neutral	Weak					MSH	50	Neutral	Neutral
LPB	57	Neutral	Neutral	BCM	40	Neutral	Weak												
Công nghệ thông tin và bán lẻ				Dầu khí & điện nước và Tiện ích				Thực phẩm & đồ uống				Truyền thông và y tế				Du lịch & giải trí và Ô tô phụ tùng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
FPT	36	Weak	Weak	PVD	42	Weak	Weak	MSN	51	Neutral	Neutral	YEG	43	Neutral	Weak	VPL	54	Strong	Neutral
SAM	53	Strong	Neutral	BSR	43	Weak	Weak	VNM	40	Neutral	Weak	DCL	51	Neutral	Neutral	VJC	50	Neutral	Neutral
ELC	44	Neutral	Weak	PLX	35	Weak	Weak	DBC	38	Neutral	Weak	DBD	44	Neutral	Neutral	HVN	42	Neutral	Weak
CMG	33	Neutral	Weak	POW	40	Weak	Weak	BAF	43	Neutral	Weak	TNH	25	Weak	Weak	SCS	51	Neutral	Neutral
MWG	43	Neutral	Weak	NT2	44	Neutral	Weak	SAB	43	Neutral	Weak	JVC	36	Weak	Weak	VNG	48	Neutral	Neutral
DGW	45	Neutral	Weak	GAS	37	Weak	Weak	ANV	46	Neutral	Weak					HAX	45	Neutral	Weak
PET	64	Too hot	Strong	GEG	49	Neutral	Neutral	VHC	43	Neutral	Weak					DRC	35	Weak	Weak
FRT	44	Neutral	Weak	PPC	45	Neutral	Neutral	MCH	40	Weak	Weak								

Danh sách theo dõi

STT	Cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Vùng mua tiềm năng	Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại)	Ghi chú
1	NLG	28.1	34	NA	NA	NLG đang được chiết khấu sâu và đang có dấu hiệu tạo đáy. Phù hợp với nhà đầu tư mua nắm giữ lâu dài. Điểm mua ngắn hạn cần chờ thêm
2	KDH	25.3	34	NA	NA	Nhóm bất động sản bị chiết khấu mạnh. KDH có sức khỏe tài chính lành mạnh được kì vọng là khoản đầu tư trung dài hạn. Chờ đợi các tín hiệu kĩ thuật trong ngắn hạn có thể mở mua mới
3	GEG	15.85	18	15.5	13.6%	Nhóm điện tái tạo được hưởng lợi do thời tiết, giá dầu và than tăng cao. GEG đang có xu hướng chững tăng

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	CCI	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	7.90 - 66.51	19.3	-20.4%
2	STG	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	12.75 - 44.50	30.4	-13.0%
3	REE	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	49.65 - 74.20	64.4	-10.2%
4	SVD	Hàng cá nhân & Gia dụng	2.91 - 7.48	3.4	-10.0%
5	SMA	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	7.31 - 110.20	9.0	-10.0%

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
19.3%	4.9	1.73 - 7.68	Tài nguyên Cơ bản	TNI
15.7%	119.2	45.60 - 150.90	Bất động sản	VHM
13.2%	12.5	9.72 - 115.00	Hàng cá nhân & Gia dụng	NHT
12.6%	194.3	51.17 - 246.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	GEE
12.5%	12.5	5.70 - 16.90	Tài nguyên Cơ bản	SMC

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	HMH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	12.10 - 23.50	19.0	-18.7%
2	CTT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	14.60 - 29.80	16.0	-17.9%
3	NHC	Xây dựng và Vật liệu	17.50 - 26.50	22.1	-17.0%
4	VMC	Xây dựng và Vật liệu	4.30 - 7.00	4.3	-16.7%
5	VCC	Xây dựng và Vật liệu	7.50 - 14.70	10.1	-15.2%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
27.9%	23.4	9.00 - 31.80	Xây dựng và Vật liệu	PDB
25.5%	24.2	10.60 - 24.20	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TJC
21.6%	5.4	3.50 - 6.30	Xây dựng và Vật liệu	VC9
21.4%	10.5	4.40 - 13.20	Công nghệ Thông tin	ONE
19.8%	33.3	24.50 - 49.60	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	HTC

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	PJS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	18.50 - 49.20	18.5	-39.9%
2	H11	Xây dựng và Vật liệu	5.40 - 18.00	8.2	-38.8%
3	HSI	Hóa chất	0.50 - 1.60	0.5	-28.6%
4	DND	Tiêu dùng không thiết yếu	6.80 - 13.50	9.0	-26.2%
5	DPC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	6.30 - 18.60	6.3	-25.0%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
39.7%	31.3	13.00 - 31.30	Điện, Chứng khoán UP	UPC
38.9%	5.0	3.00 - 5.80	Du lịch và Giải trí	ONW
38.4%	11.9	8.20 - 15.80	Viễn thông	PTP
37.6%	17.2	9.80 - 25.10	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TAB
37.3%	24.3	10.90 - 24.30	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	UDL

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá (nghìn VND)	Giá cổ phiếu	
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W		Biến động 52 tuần	%1W
1	LGC	Đầu tư Cầu đường CII	Xây dựng và Vật liệu	343.7	558.1	60.9	3.65 - 5.73	7.3
2	CRE	Bất động sản Thế Kỳ	Bất động sản	3,861.2	381.7	7.6	6.02 - 11.70	-0.7
3	DXS	Dịch vụ BĐS Đất Xanh	Bất động sản	31,204.3	304.4	7.5	5.32 - 14.35	10.5
4	SCR	Sacomreal	Bất động sản	17,645.9	125.0	6.2	5.07 - 10.50	-0.3
5	HHS	Đầu tư DV Hoàng Huy	Ô tô và phụ tùng	68,961.4	120.0	13.4	9.09 - 20.20	2.7
6	TAL	Đầu tư bất động sản Taseco	Bất động sản	18,186.2	114.9	45.0	30.00 - 55.60	0.1
7	PDR	BDS Phát Đạt	Bất động sản	279,195.1	108.4	15.9	13.70 - 27.20	-3.0
8	GEE	Thiết bị điện GELEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	259,408.9	108.1	194.3	51.17 - 246.00	12.6
9	KHG	Tập đoàn Khải Hoàn Land	Bất động sản	59,133.9	96.5	5.4	4.61 - 8.76	-3.8
10	SCS	DV Hàng hóa Sài Gòn	Du lịch và Giải trí	13,632.4	87.8	53.9	51.00 - 69.50	-0.7

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Tỷ giá

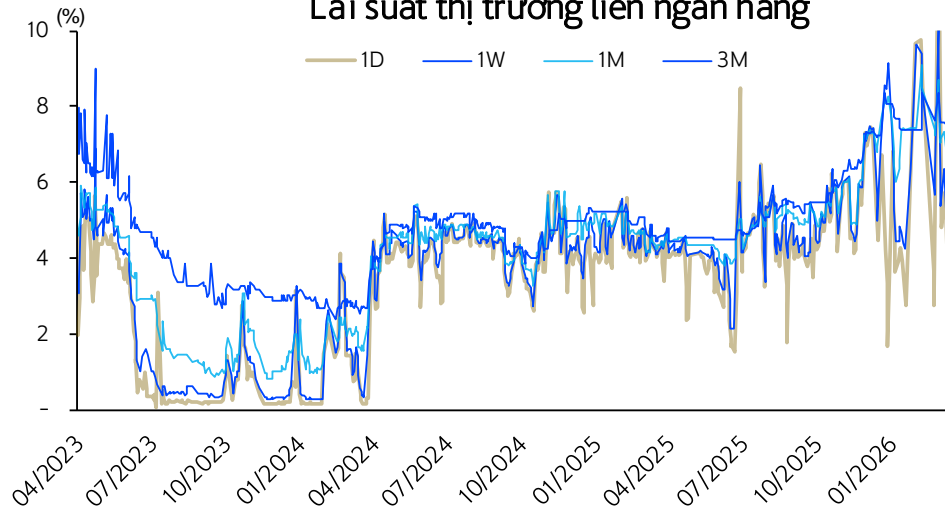
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	99.98	-0.2	0.9	1.6	1.7	
VND/USD	26,340	0.0	0.6	0.3	0.2	
KRW/USD	1,509.80	-0.1	1.4	4.5	4.9	
JPY/USD	159.60	-0.4	1.2	2.1	1.8	
EUR/USD	0.87	-0.3	0.6	1.6	1.8	
SGD/USD	1.29	-0.2	0.7	0.2	0.0	
CNY/USD	6.88	-0.4	-0.5	-1.5	-1.5	

Hàng hóa

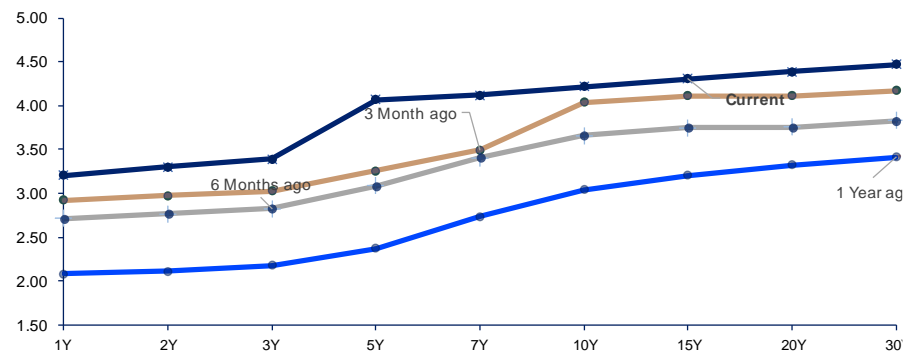
	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	111.54	18.1	56.6	94.6	94.3	
Xăng	328.80	5.0	38.7	93.6	92.8	
Gas	2.80	-6.6	-5.4	-22.6	-24.0	
Than	137.90	2.1	9.6	29.4	28.3	
Vàng	4,676.76	6.9	-12.1	8.0	8.3	
Bạc	73.02	4.7	-11.0	-4.7	1.9	
Platinum	1,989.41	6.5	-4.7	-12.6	-3.5	
Quặng sắt	107.45	1.2	7.7	0.3	0.3	
Thép cán	3,295.00	-0.1	1.6	0.8	0.8	
Lúa mì	598.25	-1.1	4.1	18.1	18.0	
Ngô	452.25	-3.2	4.4	3.4	2.7	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	3.20	3.30	3.39	4.06	4.12	4.22	4.31	4.11	3.75
Thay đổi (WoW)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.50	0.50	0.00	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd,
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000



Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.